

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 03/KCN03-ECOLAND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Quản lý khu công nghiệp Ecoland về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Đầu tư Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Quản lý khu công nghiệp Ecoland, địa chỉ tại Số C78 phố Trúc, Khu đô thị Ecopark, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03”, tại xã Hồng Tiến, xã Đồng Tiến - huyện Khoái Châu, xã Lý Thường Kiệt - huyện Yên Mỹ và xã Xuân Trúc - huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đồng Tiến, xã Hồng Tiến - huyện Khoái Châu, xã Lý Thường Kiệt - huyện Yên Mỹ và xã Xuân Trúc - huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901114482, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2186572857 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2021, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 11 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0901114482.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề:

Các ngành nghề thu hút đầu tư theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03” được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3047/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 và được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất giày, dép	C152
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không bao gồm chế biến mũ cao su)	C2013
3	Sản xuất mỹ phẩm (có quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa)	C20321
4	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (có quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa)	C210
5	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	C2391
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	C251
7	Sản xuất linh kiện điện tử	C261
8	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	C262
9	Sản xuất thiết bị truyền thông	C263
10	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	C264
11	Sản xuất sản phẩm thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ	C265
12	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	C267
13	Sản xuất sản phẩm băng, đĩa từ tính và quang học	C268
14	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	C2710
15	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	C273
16	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	C274
17	Sản xuất đồ điện dân dụng	C27500
18	Sản xuất thiết bị điện khác	C27900
19	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	C2812
20	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	C2817
21	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	C28180
22	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
23	Sản xuất mô tô, xe máy	C30910
24	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu	C30990
25	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C3100
26	Sản xuất nhạc cụ	C322
27	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C32300

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
28	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C32400
29	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C3250
30	Sản xuất điện (điện mặt trời)	C35116
31	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H5210
32	Logistics	H52292

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trên tổng diện tích: 159,71 ha; trong đó, diện tích kênh hoàn trả M2, M3 là 4,2038 ha đã được Chủ dự án bàn giao cho đơn vị có chức năng quản lý theo quy định.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Quản lý Khu công nghiệp Ecoland có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu

xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 28. tháng 02 năm 2025 đến ngày 27 tháng 02 năm 2032).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty cổ phần Quản lý Khu công nghiệp Ecoland;
- Văn phòng Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, Hg(12).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11.3. /GPMT-BTNMT ngày 28. tháng 02. năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trung tâm điều hành và dịch vụ Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực trạm bơm nước cấp của Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp số 03.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý xả thải ra Kênh tiêu thủy lợi (kênh hoàn trả M3), sau đó chảy qua đường nối 2 cao tốc bằng cống thoát và chảy ra kênh Điện Biên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Kênh tiêu thủy lợi (kênh hoàn trả M3).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2304561,62; Y = 555244,06 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3°).

(Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải, lưu lượng xả thải đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên đồng thuận tại Công văn số 321/SNN-TL ngày 14 tháng 01 năm 2025, Công văn số 1370/SNN-CCTL ngày 27 tháng 10 năm 2021).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 7.500 m³/ngày (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt và xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ, xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 0,9); QCĐP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q = 0,9; K_f = 0,9; K_{hy} = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày (24 giờ)	-	Không áp dụng trong trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đáp ứng các yêu cầu theo quy định	Đã lắp đặt
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	pH	-	6 đến 9		
4	COD(*)	mg/l	54,675		
5	Chất rắn lơ lửng(*)	mg/l	36,45		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		
7	Màu	Pt-Co	50	3 tháng/lần	Không yêu cầu
8	BOD ₅ (20°C)(*)	mg/l	21,87		
9	Asen	mg/l	0,0405		
10	Thủy ngân	mg/l	0,00405		
11	Chì	mg/l	0,081		
12	Cadimi	mg/l	0,0405		
13	Crom (VI)	mg/l	0,0405		
14	Crom (III)	mg/l	0,162		
15	Đồng	mg/l	1,62		
16	Kẽm	mg/l	2,43		
17	Niken	mg/l	0,162		
18	Mangan	mg/l	0,405		
19	Sắt	mg/l	0,81		
20	Tổng Xianua	mg/l	0,0567		
21	Tổng Phenol	mg/l	0,081		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
23	Sunfua	mg/l	0,162		
24	Florua	mg/l	4,05		
25	Tổng Nitơ	mg/l	16,2		
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		
27	Clorua	mg/l	405		
28	Clo dư	mg/l	0,81		
29	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
31	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,0405	01 năm/lần	
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243		
34	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

Ghi chú: (*) Áp dụng QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q= 0,9; K_f= 0,9; K_{hy}= 0,9) đối với các thông số: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng.

Ghi chú: (*) Áp dụng QCDP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{hy} = 0,9$) đối với các thông số: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trung tâm điều hành dịch vụ Khu công nghiệp số 03, nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, khu vực trạm bơm nước cấp của Khu công nghiệp số 03, bao gồm nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu và nước rửa, tắm, giặt, lau sàn (nguồn số 01, 02, 03). Nước từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, sau đó nhập chung với nước rửa, tắm, giặt, lau sàn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 để xử lý.

- Nước thải từ máy ép bùn hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 (nguồn số 04) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 để xử lý.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 (nguồn số 05) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 để xử lý.

- Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp số 03 (nguồn số 06) sau khi xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp số 03 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng) + nước rửa, tắm, giặt, lau sàn phát sinh từ Trung tâm điều hành dịch vụ Khu công nghiệp số 03, nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu vực trạm bơm nước cấp (nguồn số 01, 02, 03) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ).

- Số lượng, dung tích thiết kế:

+ 02 bể tự hoại có dung tích 9,72 m³/01 bể tại Trung tâm điều hành và dịch vụ Khu công nghiệp số 03.

+ 01 bể tự hoại có dung tích 4,13 m³ tại nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

+ 01 bể tự hoại có dung tích 2,48 m³ tại khu vực trạm bơm nước cấp của Khu công nghiệp số 03.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào (nguồn số 01, 02, 03 sau xử lý sơ bộ, nguồn số 04, 05, 06) → Song chắn rác → Bể gom → Thiết bị tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Xả ra nguồn tiếp nhận (công trình thủy lợi kênh M3) → Kênh Điện Biên.

- Công suất thiết kế: 7.500 m³/ngày (24 giờ), gồm 03 mô đun với công suất 2.500 m³/ngày (24 giờ)/01 mô đun.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H₂SO₄, PAC, PAA, Dinh dưỡng (cơ chất), Chlorine, Vi sinh Biobug AS, Vi sinh Biobug MN, Vi sinh Biobug NH₃ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đã lắp đặt).

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận (công trình thủy lợi kênh M3).

- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera theo dõi, giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích thiết kế 22.869 m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ) gặp sự cố; đáy và thành hồ sự cố được trải vải địa kỹ thuật không dệt và tấm bạt HDPE.

- Đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 gặp sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục hoặc thông qua giám sát nước thải đầu ra định kỳ hoặc đột xuất: (1) Dừng vận hành hệ thống và đóng van cửa xả nước thải ra ngoài môi trường; (2) Bơm nước mưa đang lưu chứa trong hồ sự cố ra môi trường; (3) Bơm nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép từ mương quan trắc về hồ sự cố, đồng thời bơm nước thải từ bể gom nước thải về hồ sự cố; (4) Rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp số 03 để kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để xử lý.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, điều chỉnh giảm

lưu lượng nước thải đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 xuống dưới 30%, lượng còn lại được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Dẫn nước thải sau xử lý về hồ sự cố cho đến khi nước thải lưu chứa trong hồ sự cố đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp số 03, lúc này nước thải được bơm từ hồ sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp số 03 để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp lưu lượng đầu vào lớn hơn công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03: Tạm thời lưu chứa một phần nước thải vào hồ sự cố, đồng thời xác định cơ sở thứ cấp xả thải với lưu lượng lớn, vượt công suất đã đăng ký, yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh lưu lượng xả nước thải, đảm bảo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp số 03. Nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung vào các ngày cuối tuần để xử lý.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các cơ sở thứ cấp: Thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; lập danh sách các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp số 03 có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Trang bị dự phòng các máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, trong trường hợp máy móc, thiết bị sử dụng hư hỏng hay gặp sự cố thì sử dụng các máy móc, thiết bị dự phòng.

- Bố trí phòng thí nghiệm (có khả năng phân tích các thông số ô nhiễm cơ bản trong nước thải như: TSS, COD, BOD₅, Amoni, Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P)) để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt-Co	50
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	350
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Tổng Xianua	mg/l	0,07
19	Tổng Phenol	mg/l	0,1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,2
22	Florua	mg/l	5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20 - 40
24	Tổng Nitơ	mg/l	40 - 70
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6 - 10
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
29	Tổng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3
30	Tổng PCB	mg/l	0,003
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 03 đến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí, cụ thể:

- Nước thải đầu vào: 01 vị trí tại bể thu gom nước thải hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ).

- Nước thải đầu ra: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ) trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu

công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ) theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất 7.500 m³/ngày (24 giờ) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo cam kết của Chủ dự án đầu tư. Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp số 03 bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp số 03. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo xây dựng hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp số 03 để thu gom nước thải của các cơ sở thứ cấp với tính chất ô nhiễm khác nhau và thực hiện xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý, đảm bảo kiểm soát lưu lượng nước thải theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải (trong đó có phân loại bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03) và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.8. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được Công ty vận hành và truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục Công ty phải thực hiện theo quy định tại Nghị

định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.9. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của kênh mương thủy lợi. Định kỳ hàng năm tiến hành nạo vét hệ thống kênh dẫn và khu vực nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý. Đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, bảo vệ chất lượng nước, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Ký kết và thực hiện hợp đồng với Đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy lợi kênh M3 về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi; phối hợp trong việc xả thải vào công trình thủy lợi đảm bảo an toàn công trình, bảo vệ chất lượng nguồn nước tưới tiêu và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp nguồn tiếp nhận (công trình thủy lợi kênh M3) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không còn khả năng chịu tải, Công ty phải có phương án xử lý nước thải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Bảo vệ môi trường.

3.10. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.11. Công ty Cổ phần Quản lý Khu công nghiệp Ecoland chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp số 03 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi thải ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. *me*

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 143/GPMT-BTNMT ngày 28. tháng 02. năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: $X = 2304595,30$; $Y = 555385,31$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

Vị trí: Trong khuôn viên Khu công nghiệp số 03, tại xã Đồng Tiến, xã Hồng Tiến - huyện Khoái Châu, xã Lý Thường Kiệt - huyện Yên Mỹ và xã Xuân Trúc - huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $6.550 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải xả qua 01 ống thoát khí thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($C_{\text{ột B}}$, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$), cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT ($C_{\text{ột B}}$; $K_p=1,0$; $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và hợp chất amoni	mg/Nm^3	50	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H_2S	mg/Nm^3	7,5		

* Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải vào môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử

lý khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 (nguồn số 01) được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000 m³/giờ để xử lý trước khi xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý khí thải.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (nguồn số 01) → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí thải → Môi trường.
- Công suất thiết kế: 9.540 m³/giờ.
- Công suất vận hành: 6.550 m³/giờ
- Thông số ống thoát khí thải: Cao 03 m; đường kính 300 mm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Biobug WHC, than hoạt tính (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi xảy ra sự cố; vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.
- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định; chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.
- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, nhanh chóng tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sẽ thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.
- Thường xuyên vệ sinh song chắn rác, dọn dẹp hệ thống thu gom nước thải nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.
- Sử dụng các chế phẩm sinh học để giảm thiểu khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 có khả năng phát sinh khí thải (mùi).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 03 đến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 công suất vận hành 6.550 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

01 vị trí tại ống thoát khí thải hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03, công suất vận hành 6.550 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, việc quan trắc khí thải cho Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được bố trí tại Trung tâm điều hành và dịch vụ Khu công nghiệp số 03; trạm bơm nước cấp; trạm bơm chuyển bậc nước thải; khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp số 03 (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.7. Công ty Cổ phần Quản lý Khu công nghiệp Ecoland chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. *me*

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 44.3. /GPMT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng tại trạm bơm nước cấp.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng tại Trung tâm điều hành và dịch vụ Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng tại trạm bơm chuyển bậc nước thải.
- Nguồn số 05: Khu vực đặt máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp số 03.
- Nguồn số 06: Khu vực đặt máy móc, thiết bị của trạm bơm chuyển bậc nước thải.
- Nguồn số 07: Khu vực đặt máy móc, thiết bị của trạm bơm nước cấp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X(m) = 2304195,01; Y(m) = 555540,31.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X(m) = 2304374,36; Y(m) = 555411,19.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X(m) = 2304554,38; Y(m) = 555396,88.
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện: X(m) = 2305085,36; Y(m) = 556734,11.
- Nguồn số 05: Tọa độ đại diện: X(m) = 2.304557,03; Y(m) = 555.327,17.
- Nguồn số 06: Tọa độ đại diện: X(m) = 2305085.36 ; Y(m) = 556734.109.
- Nguồn số 07: Tọa độ đại diện: X(m) = 2.304.198,92; Y(m) = 555.538,44.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị; định kỳ kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết máy. Kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị khi lắp đặt.

1.2. Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.3. Trồng cây xanh nhằm giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung nêu tại Mục A.1 Phụ lục này phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A.2 Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *ne*

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 143/GPMT-BTNMT ngày 22 tháng 02 năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên, chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH) (bóng đèn LED)	16 01 13	50
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	50
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	680
5	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	100
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	100
9	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	20
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	1.428.975
	Tổng khối lượng		1.430.085

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất (kí hiệu là TT-R)):

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	200
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	100
3	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	50

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
4	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite)	100
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	30
6	Bùn thải từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa	294.000
	Tổng khối lượng	294.480

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 12,8 tấn/năm.

2: Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng có nắp đậy, ghi tên chất thải, mã chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- 01 kho lưu chứa tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

- Diện tích kho lưu chứa: 61,66 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho xây tường bao quanh, có mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, rãnh thu chất thải lỏng chảy tràn, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng, bao tải lưu chứa chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa bùn thải:

- 01 kho lưu chứa tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

- Diện tích kho lưu chứa: 100,2 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường xây và vách bao che xung quanh, có mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn và biển báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy, được dán nhãn đặt tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 01 kho lưu chứa tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03.

- Diện tích kho lưu chứa: 61,66 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho xây tường bao quanh, có mái che, nền bê tông chống thấm và có biển báo theo quy định.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chuyên dụng dung tích 50-240 lít/thùng tại mỗi khu vực phát sinh: khu vực văn phòng, khu nhà vệ sinh, hành lang,... đảm bảo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

3. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải, đảm bảo sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14.3/GPMT-BTNMT ngày 28. tháng 02. năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3047/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03”, thực hiện tại xã Hồng Tiến, Đồng Tiến - huyện Khoái Châu, xã Lý Thường Kiệt - huyện Yên Mỹ và xã Xuân Trúc - huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất Khu công nghiệp số 03.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp số 03 phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định.

3. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong Khu công nghiệp số 03 phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của Khu công nghiệp số 03 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan. Tuân thủ quy định của pháp luật về khoảng cách an toàn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về khoảng cách an toàn; bố trí diện tích để trồng cây xanh cách ly xung quanh công trình xử lý nước thải của Dự án và diện tích trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

5. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu khí thải (mùi) trong quá trình xử

lý nước thải và lưu giữ chất thải.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp số 03 được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp số 03 để xử lý.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong việc tổ chức triển khai xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch về đất đai và các quy hoạch khác có liên quan, quy hoạch tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.